Phụ lục 01-DA4-ĐT

QUY ĐỊNHViệc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đối với dự án có kỹ thuật không phức tạp và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025

I. QUY ĐỊNH CHUNG

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025.

Các nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP); Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công (sau đây viết tắt là Nghị định số 99/2021/NĐ-CP) và các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đối với dự án có kỹ thuật không phức tạp và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025

**3. Tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện**

a) Thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Dự án nằm trên địa bàn một thôn, do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý. Cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp của dự án phải có đủ năng lực quản lý, tổ chức thi công dự án.

c) Tổng mức đầu tư dự án dưới 500 triệu đồng.

d) Kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình hoặc các thiết kế sẵn có đã áp dụng trên địa bàn cấp huyện.

đ) Thuộc danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. QUẢN LÝ, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO CHO CỘNG ĐỒNG TỰ THỰC HIỆN

1.1. Nguyên tắc quản lý, thanh toán

a) Việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư nguồn Ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đảm bảo đúng quy định về quản lý đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 99/2021/NĐ-CP và khoản 5 Điều 13 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP).

b) Các dự án giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện xây dựng công trình được Chủ đầu tư (Ban Quản lý xã) tạm ứng, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư (Ban phát triển thôn) và không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng vốn. Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng dự án.

c) Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng, việc thanh toán căn cứ vào hợp đồng phải phù hợp với giá và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm, hồ sơ và điều kiện thanh toán phải được quy định cụ thể trong hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng theo quy định hiện hành.

Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng, việc thanh toán căn cứ trên bảng xác định giá trị công việc hoàn thành. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán chi phí thực hiện công việc được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc.

d) Cơ quan kiểm soát, thanh toán có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng quy định cho dự án khi có đủ điều kiện thanh toán, đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

1.2. Hình thức hỗ trợ

Trên cơ sở mức vốn đầu tư công hỗ trợ thực hiện Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tùy theo điều kiện thực tế và khả năng huy động nguồn lực cụ thể của địa phương để triển khai thực hiện dự án trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hình thức hỗ trợ cho phù hợp, đảm bảo sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình, theo các hình thức như sau:

*a) Hỗ trợ bằng hiện vật:*

Căn cứ mức hỗ trợ thực hiện một dự án cụ thể từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao, Uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà cung ứng theo quy định của Luật Đấu thầu và ký kết hợp đồng với đơn vị cung ứng hiện vật, tổ chức nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và thanh toán nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ qua Kho bạc Nhà nước cho đơn vị cung ứng hiện vật theo đúng các quy định hiện hành.

Đơn vị cung ứng tổ chức vận chuyển hiện vật đến chân công trình hoặc theo thoả thuận trong hợp đồng để giao cho Ban phát triển thôn/cộng đồng tổ chức thực hiện thi công xây dựng công trình theo quy định.

*b) Hỗ trợ bằng tiền:*

Căn cứ quyết định phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình, kế hoạch vốn đầu tư được cấp có thẩm quyền giao, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (phát sinh) đã được Ban quản lý xã nghiệm thu theo quy định. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thanh toán (tạm ứng) nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ qua Kho bạc Nhà nước cho người đại diện Ban phát triển thôn/cộng đồng để tổ chức thực hiện thi công xây dựng công trình. Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công công trình. Ban quản lý xã và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm giám sát chặt chẽ các khoản thanh toán tiền công cho người dân.

*c) Kết hợp hai hình thức trên:*

Tuỳ theo điều kiện cụ thể, Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn kết hợp 02 hình thức hỗ trợ bằng hiện vật và bằng tiền.

1.3. Phân bổ kế hoạch vốn

a) Việc lập kế hoạch, phân bổ chi tiết kế hoạch thực hiện vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình thực hiện theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

b) Cơ quan Tài chính, Kho bạc Nhà nước cấp huyện có trách nhiệm nhập kế hoạch vốn đầu tư trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS) theo hướng dẫn tại Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS).

1.4. Thủ tục đăng ký sử dụng tài khoản, bổ sung tài khoản và thay đổi mẫu dấu, mẫu chữ ký của đơn vị giao dịch tại Kho bạc Nhà nước

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kho bạc nhà nước và Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

1.5. Quản lý, thanh toán vốn của dự án

*a) Cấp mã số dự án đầu tư xây dựng:*

Uỷ ban nhân dân cấp xã được cấp một mã số đơn vị quan hệ ngân sách (mã dự án đầu tư) theo quy định tại Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách và mở tài khoản giao dịch tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (nếu chưa có) theo quy định tại Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; thực hiện thanh toán vốn đầu tư cho tất cả các dự án được quyết định đầu tư.

*b) Hồ sơ kiểm soát, thanh toán vốn của dự án đầu tư xây dựng* (quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP)*:*

b1) Hồ sơ pháp lý gồm:

- Kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền giao.

- Văn bản phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền kèm theo dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư (đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư); văn bản phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo hồ sơ xây dựng công trình (đối với thực hiện dự án).

- Hợp đồng, bảo đảm thực hiện hợp đồng (đối với trường hợp hợp đồng quy định hiệu lực của hợp đồng bắt đầu từ khi nhà thầu nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng) thực hiện gói thầu xây dựng đã được ký kết giữa Ban quản lý xã với Ban phát triển thôn/cộng đồng.

b2) Tạm ứng vốn:

Hồ sơ tạm ứng vốn (gửi theo từng lần đề nghị tạm ứng vốn - quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP), bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT); Chứng từ chuyển tiền (Mẫu số 05/TT) ban hành kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

b3) Thanh toán vốn:

Hồ sơ thanh toán (gửi theo từng lần đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành), bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT); Chứng từ chuyển tiền (Mẫu số 05/TT); Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (Mẫu số 04.b/TT); Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT); Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu trong trường hợp có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu (Mẫu số 03.c/TT) ban hành kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

b4) Đối với dự án đã hoàn thành được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng chưa được thanh toán đủ vốn theo giá trị phê duyệt quyết toán, hồ sơ thanh toán gồm: Quyết định phê duyệt quyết toán; Giấy đề nghị thanh toán vốn (Mẫu số 04.a/TT); Chứng từ chuyển tiền (Mẫu số 05/TT) ban hành kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

*c) Mức tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng:*

c1) Tạm ứng vốn

- Tổng mức vốn tạm ứng (quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP): Không được vượt quá 30% giá trị hợp đồng (bao gồm cả dự phòng nếu có). Trường hợp cần tạm ứng với mức cao hơn phải được người quyết định đầu tư cho phép. Vốn tạm ứng không được vượt kế hoạch đầu tư công hàng năm được cấp có thẩm quyền phân bổ cho dự án.

- Về thời hạn tạm ứng vốn: Vốn kế hoạch hàng năm của dự án được tạm ứng đến hết ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch.

c2) Thu hồi vốn tạm ứng (quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP):

Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, mức thu hồi từng lần do Ban quản lý xã ký thống nhất với Ban phát triển thôn/cộng đồng, được quy định cụ thể trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng (trừ trường hợp được người có thẩm quyền cho tạm ứng ở mức cao hơn).

*d) Về thanh toán khối lượng hoàn thành:*

- Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

- Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

- Thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành:

Vốn kế hoạch hàng năm của dự án được thanh toán cho khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu đến hết ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch, thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau năm kế hoạch (trong đó có thanh toán để thu hồi vốn tạm ứng).

Trường hợp kéo dài thời gian giải ngân vốn theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, thời hạn giải ngân theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

*đ) Chi phí quản lý dự án*

- Hồ sơ pháp lý (gửi một lần vào đầu năm hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung): Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

- Hồ sơ tạm ứng vốn, hồ sơ thanh toán: thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 7 Điều 9 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP.

2. QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO CHO CỘNG ĐỒNG TỰ THỰC HIỆN

2.1. Quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo năm ngân sách (quyết toán theo niên độ)

*a) Nguyên tắc, thời hạn khóa sổ và mẫu biểu để lập báo cáo quyết toán theo niên độ:*

- Nguyên tắc quyết toán theo niên độ: Thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

- Thời hạn khóa sổ để lập báo cáo quyết toán theo niên độ: Thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

- Mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán theo niên độ: Mẫu số 01/QTNĐ, Mẫu số 04/QTNĐ, Mẫu số 08/QTNĐ, Mẫu số 09/QTNĐ ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán (sau đây gọi là Mẫu số 01/QTNĐ, Mẫu số 04/QTNĐ Mẫu số 08/QTNĐ, Mẫu số 09/QTNĐ).

*b) Trình tự, thời hạn lập, xét duyệt và gửi báo cáo quyết toán theo niên độ:*

- Uỷ ban nhân dân cấp xã sau khi đối chiếu số liệu về kế hoạch vốn và số vốn đã thanh toán với Kho bạc nhà nước nơi giao dịch, lập báo cáo quyết toán năm gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện (Mẫu số 01/QTNĐ). Thời gian gửi báo cáo trước ngày 28/02 năm sau năm quyết toán;

- Kho bạc nhà nước cấp huyện tổng hợp số liệu quyết toán theo niên độ vốn đầu tư xây dựng công trình thuộc các Chương trình gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện (Mẫu số 08/QTNĐ). Thời gian gửi báo cáo trước ngày 15/3 năm sau năm quyết toán.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định và ra thông báo thẩm định báo cáo quyết toán theo niên độ gửi từng Sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp quản lý, Uỷ ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Mẫu số 09/QTNĐ). Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được thông báo thẩm định), Uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện và có văn bản giải trình về các kiến nghị trong thông báo thẩm định của phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.

*c) Nội dung xét duyệt và thẩm định báo cáo quyết toán theo niên độ:*

Thực hiện theo quy định tại Điều 30, Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

*d) Thời gian thực hiện:*

Trường hợp các dự án đầu tư thuộc năm kế hoạch được phép chuyển sang năm sau chi tiếp, thì số vốn thanh toán đưa vào báo cáo quyết toán là số vốn thanh toán khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành từ ngày 01/01 năm kế hoạch đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách (31/01 năm sau). Vốn thanh toán từ kế hoạch kéo dài sau thời gian chỉnh lý quyết toán được tổng hợp vào quyết toán ngân sách năm sau.

*đ) Chế độ báo cáo:*

Cơ quan tài chính các cấp lập Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ theo Mẫu số 04/QTDA ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, gửi cơ quan tài chính cấp trên, trước ngày 31/3 năm sau năm kế hoạch.

2.2. Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

Các dự án giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc Chương trình khi hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo đúng chế độ quy định về quản lý tài chính hiện hành.

*a) Trình tự, thời gian thực hiện:*

a1) Chậm nhất trong thời hạn 04 tháng kể từ khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, Ban quản lý xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban phát triển thôn và các đơn vị, cá nhân có liên quan lập hồ sơ báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo quy định trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

a2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng công chức chuyên môn thuộc quyền quản lý để thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Trường hợp công chức chuyên môn không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm tra báo cáo quyết toán.

Thời gian thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành tối đa 03 tháng tính từ ngày cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán nhận đủ hồ sơ quyết toán đến ngày trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

a3) Thời gian phê duyệt quyết toán tối đa 15 ngày tính từ ngày người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhận đủ hồ sơ trình duyệt quyết toán đến ngày ban hành quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

*b) Hồ sơ trình thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành*

Hồ sơ bao gồm các tài liệu quy định tại Điều 34 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ; Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo Mẫu số 14/QTDA, Mẫu số 15/QTDA ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*c) Nội dung thẩm tra:*

Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán thực hiện thẩm tra theo quy định tại các Điều 36, Điều 37 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

*d) Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:*

Lập báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định tại Khoản 2, Điều 45 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

Đối với phần kinh phí đóng góp của người dân có thế bằng tiền hoặc bằng hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền; phải được tính trong giá trị công trình để theo dõi, quản lý tỷ lệ đóng góp đã được thống nhất; không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

*đ) Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:*

đ1) Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán lập hồ sơ trình duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành để trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sau khi đã thẩm tra xong quyết toán. Hồ sơ trình phê duyệt quyết toán gồm:

- Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán đã lập theo mục d.

- Dự thảo quyết định phê duyệt quyết toán (dự án, dự án thành phần, tiểu dự án độc lập, công trình, hạng mục công trình) Mẫu số 11/QTDA ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Hồ sơ khác khi người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán yêu cầu.

đ2) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

*e. Đối với công trình thực hiện theo hình thức nhà nước hỗ trợ bằng hiện vật.*

- Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các thủ tục nhận bàn giao, chuẩn bị mặt bằng, kho bãi để bảo quản hiện vật hỗ trợ, mở sổ kế toán chi tiết để theo dõi riêng hiện vật được bàn giao.

- Giá trị của hiện vật phải được quy đổi ra tiền và tổng hợp vào chi phí đầu tư xây dựng công trình.

*g) Chế độ báo cáo:*

Cơ quan tài chính các cấp báo cáo cơ quan tài chính cấp trên theo quy định tại Điều 48, Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ; Mẫu số 12/QTDA ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính.